

Bản án số: 330/2024/HNGĐ-ST

Ngày 20/12/2024

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Hạnh Quỳnh.

Các hội thẩm N dân: Bà Trương Thị Thu và ông Lý Văn Tòng.

Thư ký phiên tòa: Bà Đồng Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa:
Ông Đàm Như Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 275/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 2004. Địa chỉ: Thôn TH, xã TA, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh Ma Văn T, sinh năm 2001. Địa chỉ: Thôn TH, xã TA, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2024, nội dung bản tự khai, biên bản ghi lời khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Ma Văn T được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán vào năm 2019, sau khi cưới chị H và anh T sống cùng bố mẹ đẻ anh T tại thôn TH, xã TA, huyện Chiêm Hóa. Đến năm 2022 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã TA, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 20 ngày 20 tháng 6 năm 2022 và chị H anh T tiếp tục chung sống cùng bố mẹ đẻ anh T. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc không có phát sinh mâu

thuần. Chị H xác định từ khoảng năm 2022 thì giữa chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị H cho rằng giữa chị H và anh T không có tiếng nói chung, anh T không quan tâm đến chị H và con, hay ghen tuông, chửi bới nên dẫn đến chị H và anh T thường xuyên xảy ra nhiều cãi vã không thể chung sống hòa thuận được. Chị H và anh T đều đi làm công ty, có thu nhập nhưng hầu như mọi chi phí chăm lo cho con đều do chị H gửi tiền về cho ông bà nội chăm con và chi phí sinh hoạt của anh chị đều do chị H gánh vác, anh T không hỗ trợ chị H về kinh tế để chăm lo gia đình. Gia đình hai bên đều biết mâu thuẫn giữa chị H và anh T, có khuyên bảo để khắc phục mâu thuẫn, nhưng chị H nhận thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, không thể hàn gắn. Chị H và anh T đã sống ly thân từ tháng 4/2024. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Ma Văn T.

- Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị H và anh T có một con chung là cháu Ma Đức N, sinh ngày 30/4/2020. Hiện cháu đang ở cùng với bố mẹ đẻ của anh T tại thôn TH, xã TA, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Ma Văn T nêu quan điểm:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Ma Văn T và chị Nguyễn Thị H được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán vào năm 2019, sau cưới anh T và chị H sống cùng bố mẹ đẻ anh T tại thôn TH, xã TA. Đến năm 2022 thì anh T chị H đăng ký kết hôn tại UBND xã TA, huyện Chiêm Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 20 ngày 20 tháng 6 năm 2022 và tiếp tục chung sống cùng bố mẹ đẻ của anh T. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc không có phát sinh mâu thuẫn, anh T xác định đến khoảng năm 2023 thì anh T và chị H phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn anh T cho rằng trong thời gian anh T và chị H đi làm công ty ở tỉnh Bắc Ninh, anh T có nghi ngờ chị H có mối quan hệ khác ở bên ngoài, nên dẫn đến giữa anh T và chị H hay xảy ra cãi vã mặc dù được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng anh T và chị H không khắc phục được mâu thuẫn. Anh T và chị H đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Anh T xác định tình cảm giữa chị H và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H yêu cầu xin ly hôn tại Tòa án, anh T nhất trí ly hôn với chị H.

- Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị H và anh T có một con chung là cháu Ma Đức N, sinh ngày 30/4/2020. Hiện cháu đang ở cùng với bố mẹ đẻ của anh T tại thôn TH, xã TA, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Khi ly hôn, anh T có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, không yêu

cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Ma Văn T đều giữ nguyên ý kiến, quan điểm như trong quá trình giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Đề nghị căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 143, 144, 147 các Điều 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Ma Văn T.

Về con chung: Giao cháu Ma Đức N, sinh ngày 30/4/2020 cho chị Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Ma Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Điều không có, không đề cập xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H và anh Ma Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Ma Văn T; Anh Ma Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn TH, xã TA, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Ma Văn T là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 20 ngày 20 tháng 6 năm 2022, trước khi đăng ký kết hôn chị H và anh T được tự do tìm hiểu tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán vào năm 2019, sau khi cưới anh T và chị H sống cùng bố mẹ đẻ anh T tại thôn TH, xã TA. Sau khi kết hôn chị H và anh T tiếp tục chung sống cùng bố mẹ đẻ của anh T tại thôn TH, xã TA, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, chị H xác định đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên N chị H cho rằng giữa chị H và anh T không có tiếng nói chung, anh T không quan tâm đến chị H và con, không hỗ trợ chị H về mặt kinh tế để chăm lo cho gia đình, hay ghen tuông, chửi bới nên dẫn đến chị H và anh T thường xuyên xảy ra nhiều cãi vã không thể chung sống hòa thuận, chị H và anh T đã sống ly thân từ đầu năm 2024, chị H xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết và mâu thuẫn đã trầm trọng, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Ma Văn T. Anh Ma Văn T xác nhận quá trình kết hôn và chung sống đúng như chị H trình bày, nguyên N mâu thuẫn giữa anh T và chị H, anh T cho rằng trong thời gian anh T và chị H đi làm công ty ở tỉnh Bắc Ninh, anh T có nghi ngờ chị H có mối quan hệ khác ở bên ngoài nên dẫn đến giữa anh chị hay xảy ra mâu thuẫn không thể khắc phục được, anh T nhất trí ly hôn với chị H.

Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù chị H và anh T xác định thời gian xảy ra mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng khác nhau nhưng tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T là thực tế, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T thực sự đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Ma Văn T.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Ma Văn T có 01 con chung là cháu Ma Đức N, sinh ngày 30/4/2020. Quá trình giải quyết chị H và anh T đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là phù hợp với quy định của pháp luật.

Qua xác minh tại thôn TH, xã TA, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang cho thấy chị H và anh T thuộc diện hộ gia đình có thu nhập trung bình tại địa phương, mức thu nhập bình quân của một người dân tại địa phương là 51.000.000 đồng (*năm mươi một triệu đồng*)/người/năm. Chị H và anh T đều là công nhân của công ty TNHH công nghệ bao bì YUZHAN Việt Nam cùng cung cấp bảng lương của cá nhân, thu nhập của anh T từ tháng 8 đến tháng 10 là khoảng 13.000.000 đồng, thu nhập của chị H từ tháng 8 đến tháng 10 là khoảng gần 10.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, mức thu nhập của chị H và anh T là tương đương nhau, nên điều kiện nuôi con của chị H và anh T là như nhau. Tuy

nhiên quá trình xác minh tại địa phương xác định hiện nay chị H và anh T không trực tiếp nuôi dưỡng con mà việc trực tiếp nuôi dưỡng hiện tại do bố mẹ đẻ của anh T là ông Ma Văn S trực tiếp nuôi dưỡng; hiện gia đình ông S có 06 khẩu nhưng chỉ có 03 khẩu là lao động chính, ngoài ra ông S còn phải nuôi dưỡng bố đẻ năm nay đã 87 tuổi và 01 con gái mắc bệnh động kinh không có khả năng lao động. Hiện cháu N 04 tuổi 07 tháng 20 ngày nên cần sự chăm sóc của người mẹ, để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt và tâm sinh lý của cháu N xét thấy cần giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Hội đồng xét xử cần áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Ma Đức N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

* Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không có, do vậy Hội đồng xét xử cũng không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; chị Nguyễn Thị H và anh Ma Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, 144, 147; các Điều 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về Hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Ma Văn T (*Giấy chứng nhận kết hôn số: 20 ngày 20/6/2022 tại Ủy ban nhân dân xã TA, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang*).

2. Về con chung: Giao cháu Ma Đức N, sinh ngày 30/4/2020 cho chị Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Ma

Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 75.000^d (*bảy mươi lăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000002019178 ngày 16/10/2024 của Công ty Cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam và theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000662 ngày 16/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (chị H đã nộp đủ tiền án phí). Trả lại cho chị H số tiền 225.000 đồng do nộp tạm ứng án phí còn lại.

Anh Ma Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 75.000^d (*bảy mươi lăm nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/12/2024)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục THA Dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã TA (nơi ĐKKH);
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lâm Hạnh Quỳnh